

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 CÔNG NGHỆ 8 - NĂM HỌC 2023 – 2024**I./ TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Chọn đáp án đúng:

- A. 2:1 là tỉ lệ thu nhỏ
 B. 2:1 là tỉ lệ nguyên hình
 C. 2:1 là tỉ lệ phóng to
 D. 2:1 là tỉ lệ phóng to và thu nhỏ

Câu 2. Đầu là tỉ lệ nguyên hình trong các tỉ lệ sau:

- A. 1:2
 B. 5:1
 C. 1:1
 D. 5:2

Câu 3. Tỉ lệ thu nhỏ là:

- A. 2:1
 B. 10:1
 C. 1:1
 D. 1:5

Câu 4. Đường bao khuất, cạnh khuất được vẽ bằng nét:

- A. Nét liền đậm
 B. Nét liền mảnh
 C. Nét đứt mảnh
 D. Nét gạch chấm mảnh

Câu 5. Nét gạch chấm mảnh dùng để:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy
 B. Đường kích thước, đường gióng kích thước
 C. Đường trục đối xứng
 D. Đường bao khuất, cạnh khuất

Câu 6. Nét liền mảnh dùng để:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy
 B. Đường kích thước, đường gióng kích thước
 C. Đường trục đối xứng
 D. Đường bao khuất, cạnh khuất

Câu 7. Nét liền đậm dùng để:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy
 B. Đường kích thước, đường gióng kích thước
 C. Đường trục đối xứng
 D. Đường bao khuất, cạnh khuất

Câu 8. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Nét liền mảnh vẽ đường gióng kích thước
 B. Nét liền đậm vẽ cạnh thấy
 C. Nét gạch chấm mảnh vẽ đường tâm, đường trục đối xứng
 D. Nét liền đậm dùng để vẽ đường trục đối xứng

Câu 9. Tên các khổ giấy chính là:

- A. A0, A1, A2, A3
 B. A1, A2, A3, A4, A5
 C. A3, A1, A2, A4
 D. A0, A1, A2, A3, A4

Câu 10. Kích thước trên bản vẽ kỹ thuật có đơn vị:

- A. mm
 B. cm
 C. dm
 D. Tùy bản vẽ

Câu 11. Khổ giấy A4 có kích thước tính theo mm là:

- A. 420×210
 B. 279×297
 C. 420×297
 D. 297×210

Câu 12. Trong các khổ giấy chính, khổ giấy có kích thước lớn nhất là:

- A. A0
 B. A1
 C. A4
 D. A2

Câu 13. Đường gióng và đường kích thước được biểu diễn:

- A. Song song với nhau
 B. Vuông góc với nhau
 C. Trùng nhau
 D. Đáp án khác

Câu 14. Phép chiếu vuông góc là phép chiếu có các tia chiếu:

- A. Song song với mặt phẳng cắt
 B. Song song với nhau
 C. Cùng đi qua một điểm
 D. Song song với nhau và vuông góc với mặt phẳng chiếu

Câu 15. Để vẽ các hình chiếu vuông góc, người ta sử dụng phép chiếu:

- A. Vuông góc
 B. Xuyên tâm
 C. Song song
 D. Vuông góc và xuyên tâm

Câu 16. Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là:

- A. Hình chiếu
 B. Vật chiếu
 C. Mặt phẳng chiếu
 D. Vật thể

Câu 17. Trong bản vẽ kỹ thuật vị trí hình chiếu bằng là:

- A. Nằm trên hình chiếu đứng
 B. Nằm phía dưới hình chiếu cạnh
 C. Nằm phía dưới hình chiếu đứng
 D. Nằm bên trái hình chiếu cạnh

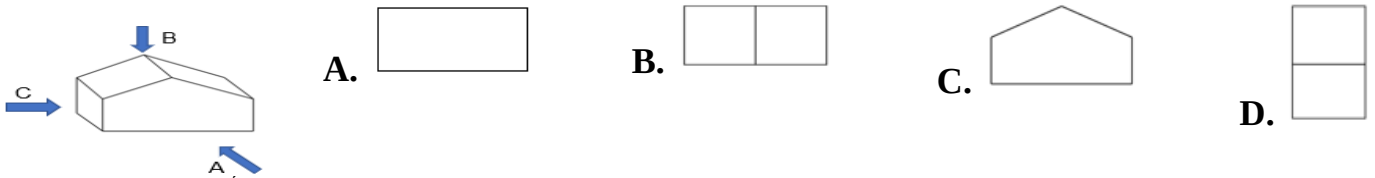
Câu 18. Hướng chiếu của hình chiếu đứng là:

- A. Từ dưới lên B. Từ trước tới C. Từ trái sang D. Từ trên xuống

Câu 19. Hướng chiếu của hình chiếu cạnh là:

- A. Từ dưới lên B. Từ trước tới C. Từ trái sang D. Từ trên xuống

Câu 20. Cho khối vật thể với các hướng chiếu A, B, C. Với hướng chiếu B ta thu được hình nào?



Câu 21. Hình chiếu đứng của hình hộp chữ nhật có hình dạng:

- A. Hình vuông B. Hình tròn C. Hình tam giác D. Hình chữ nhật

Câu 22. Hình chiếu bằng thể hiện mặt đáy của hình trụ có hình dạng là:

- A. Hình tròn B. Hình vuông C. Hình tam giác D. Hình chữ nhật



Câu 23. Hình chiếu cạnh của hình  là hình:

- A. Hình tròn B. Hình vuông C. Hình tam giác D. Hình chữ nhật

Câu 24. Hình nào thuộc khối tròn xoay:

- A. Hình trụ, hình cầu, hình nón B. Hình nón, hình lăng trụ, hình trụ
C. Hình chóp, hình nón, hình cầu D. Hình lăng trụ, hình hộp, hình chóp

Câu 25. Bản vẽ chi tiết dùng để:

- A. Chế tạo, lắp ráp sản phẩm B. Chế tạo, kiểm tra chi tiết
C. Lắp ráp sản phẩm D. Kiểm tra chi tiết, sản phẩm

Câu 26. Nội dung của bản vẽ chi tiết bao gồm:

- A. Hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, khung tên
B. Hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, khung tên
C. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, bảng kê
D. Hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật

Câu 27. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật
B. Khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, hình biểu diễn
C. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
D. Khung tên, yêu cầu kỹ thuật, hình biểu diễn, kích thước

Câu 28. Khung tên của bản vẽ chi tiết gồm những thông tin:

- A. Tên gọi, kích thước, vật liệu B. Tên gọi, tỉ lệ, vật liệu
C. Tỉ lệ, yêu cầu kỹ thuật D. Vật liệu, hình biểu diễn

Câu 29. Bản vẽ lắp dùng để:

- A. Lắp đặt và kiểm tra sản phẩm B. Chế tạo, kiểm tra chi tiết
C. Lắp đặt và kiểm tra chi tiết D. Kiểm tra chi tiết, sản phẩm

Câu 30. Bản vẽ lắp gồm mấy nội dung:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 31. Nội dung bản vẽ lắp gồm:

- A. Khung tên, kích thước, bảng kê, yêu cầu kỹ thuật
B. Khung tên, bảng kê, yêu cầu kỹ thuật, hình biểu diễn
C. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
D. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước

Câu 32. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. Hình biểu diễn → Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp
- B. Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp
- C. Khung tên → Bảng kê → Hình biểu diễn → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp
- D. Hình biểu diễn → Bảng kê → Khung tên → Kích thước → Tổng hợp → Phân tích chi tiết

Câu 33. Nội dung nào không phải của bản vẽ chi tiết:

- A. Yêu cầu kỹ thuật
- B. Kích thước
- C. Khung tên
- D. Bảng kê

Câu 34. Bản vẽ lắp với bản vẽ chi tiết giống nhau ở những nội dung nào?

- A. Khung tên, hình biểu diễn, bảng kê
- B. Khung tên, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật
- C. Khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
- D. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước

Câu 35. Bản vẽ lắp không chứa nội dung nào:

- A. Yêu cầu kỹ thuật
- B. Bảng kê
- C. Kích thước
- D. Khung tên

Câu 36. Đọc kích thước là bước thứ mấy trong trình tự đọc bản vẽ lắp:

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 37. Trước con số chỉ kích thước bán kính, người ta ghi kí hiệu gì:

- A. d
- B. R
- C. Ø
- D. O

Câu 38. Trước con số chỉ kích thước đường tròn, người ta ghi kí hiệu gì?

- A. d
- B. R
- C. Ø
- D. O

Câu 39. Thép có tỉ lệ carbon:

- A. $< 2,14\%$
- B. $\leq 2,14\%$
- C. $> 2,14$
- D. $\geq 2,14\%$

Câu 40. Gang là:

- A. Là kim loại đen có tỷ lệ carbon trong vật liệu $\leq 2,14\%$
- B. Là kim loại đen có tỷ lệ carbon trong vật liệu $> 2,14\%$.
- C. Là kim loại màu có tỷ lệ carbon trong vật liệu $\leq 2,14\%$
- D. Là kim loại màu có tỷ lệ carbon trong vật liệu $> 2,14\%$

Câu 41. Kim loại đen được ứng dụng làm:

- A. Rỗ, cốc, can, ghế, bình nước
- B. Vật liệu xây dựng, chi tiết máy
- C. Ống dẫn, đai truyền, đế giày, dép
- D. Lõi dây dẫn điện, nồi, chảo

Câu 42. Tại sao kim loại đen dễ bị gỉ sét:

- A. Trong thành phần có sắt
- B. Trong thành phần có carbon
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 43. Tính chất của kim loại màu là:

- A. Dễ kéo dài
- B. Dễ dát mỏng
- C. Chống ăn mòn cao
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 44. Trong các kim loại sau, đâu không phải kim loại màu?

- A. Nhôm
- B. Đồng
- C. Sắt
- D. Kẽm

Câu 45. Tính chất của chất dẻo nhiệt rắn là:

- A. Nhiệt độ nóng chảy thấp
- B. Hóa rắn ngay khi làm nguội từ nhiệt độ gia công
- C. Không có khả năng tái chế
- D. Cả B và C đều đúng

Câu 46. Lí do vật liệu phi kim được sử dụng rộng rãi là:

- A. Dễ gia công
- B. Không bị oxi hóa
- C. Ít mài mòn
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 47. Theo tính chất, chất dẻo được chia ra làm các loại nào:

- A. Chất dẻo nhiệt, chất dẻo nhiệt rắn, cao su nhân tạo
- B. Chất dẻo nhiệt, cao su nhân tạo
- C. Chất dẻo nhiệt, chất dẻo nhiệt rắn
- D. Chất dẻo nhiệt rắn, cao su nhân tạo

Câu 48. Chất dẻo nhiệt được ứng dụng làm:

- A. Rỗ, cốc, can, ghế, bình nước
- B. Tay cầm cho dụng cụ nấu ăn, ổ cắm điện
- C. Ống dẫn, đai truyền, đế giày, dép
- D. Lõi dây dẫn điện, nồi, chảo

Câu 49. Chất dẻo nhiệt rắn được ứng dụng làm:

- A. Rổ, cốc, can, ghế, bình nước
B. Tay cầm cho dụng cụ nấu ăn, ổ cắm điện
C. Ống dẫn, đai truyền, đế giày, dép
D. Lõi dây dẫn điện, nồi, chảo

Câu 50. Trong các dụng cụ sau, dụng cụ nào không phải là dụng cụ gia công?

- A. Cưa
B. Đục
C. Tua vít
D. Dũa

Câu 51. Để đo đường kính của một chi tiết máy, cần sử dụng:

- A. Thước lá
B. Thước cặp
C. Thước đo góc
D. Ê ke vuông

Câu 52. Trong bộ truyền động, tỉ số truyền $i > 1$ thì đây là:

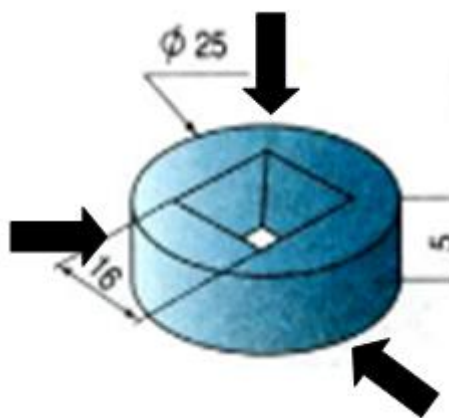
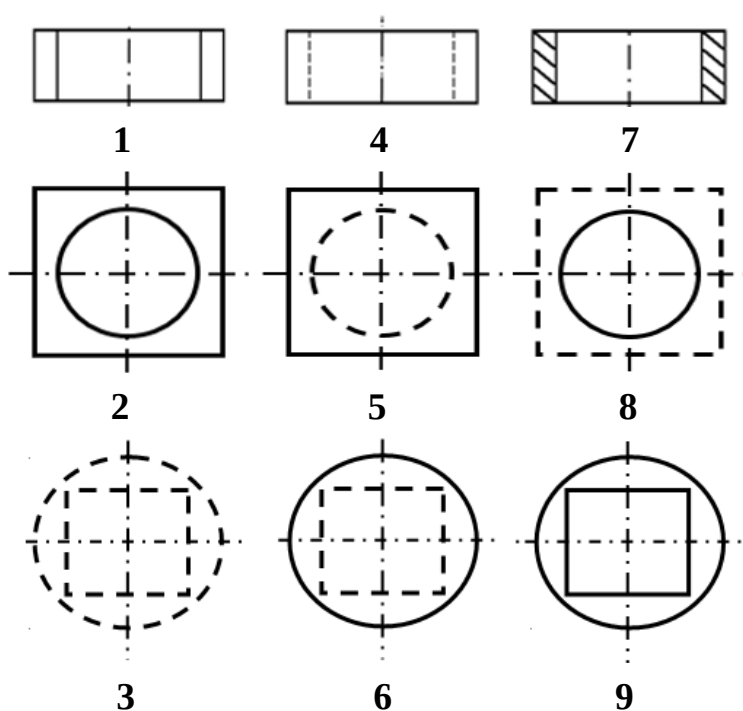
- A. Truyền động giảm tốc
B. Truyền động tăng tốc
C. Truyền động đẳng tốc
D. Đáp án khác

Câu 53. Bánh răng dẫn có 20 răng, bánh răng bị dẫn có 60 răng ăn khớp với nhau. Nếu trục bánh răng dẫn quay với tốc độ là 300 vòng/phút thì trục bánh răng bị dẫn quay với tốc độ là bao nhiêu?

- A. 50 vòng/phút
B. 100 vòng/phút
C. 300 vòng/phút
D. 900 vòng/phút

II./ BÀI TẬP

Bài 1. Cho vật thể và các hình chiếu, hãy chọn đúng hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh của vật thể đó. (Mỗi hình chiếu chọn 1 số)



Hình chiếu	Số
Hình chiếu đứng	
Hình chiếu bằng	
Hình chiếu cạnh	

Bài 2. Bài tập truyền động.

1. Bánh dẫn có đường kính là 60 cm, quay với tốc độ 100 vòng/phút, bánh bị dẫn có đường kính là 15cm. Tính:

- a. Tính tỉ số truyền? Đây là bộ truyền động tăng tốc hay giảm tốc?
b. Tính tốc độ bánh bị dẫn?

2. Bánh dẫn có 20 răng, quay với tốc độ 60 vòng/phút, bánh bị dẫn có 80 răng. Tính:

- a. Tính tỉ số truyền? Đây là bộ truyền động tăng tốc hay giảm tốc?
b. Tính tốc độ bánh bị dẫn?